**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LỘC NINH**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**
**Bản án số: 33/HNGĐ – ST**
**Ngày: 12/6/2025**
***V/v "Ly hôn"***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Kiều Chinh
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Võ Đức Thọ
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước:*** Bà Nguyễn Như Mai Trang – kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025, về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Thị R, sinh năm: 1987 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp Cần Dực, xã LT, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn:* Ông Lâm N, sinh năm: 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Cần Dực, xã LT, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
Địa chỉ hiện nay: Tổ 8, ấp Hưng Thịnh, xã LT1, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn bà Thị R trình bày:* Bà Thị R và ông Lâm N tự nguyện chung sống với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện Lộc Ninh. Trước khi kết hôn 02 năm. Vợ chồng sống đến 2019 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà Thị R xin ly hôn với ông Lâm N.

Về con chung: Có 01 con tên Lâm L, sinh ngày 05/01/2014. Khi ly hôn bà Thị R nuôi con, không yêu cầu ông Lâm N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

*Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Lâm N trình bày:* Thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian phát sinh mâu thuẫn như bà Thị R trình bày. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Đến năm 2023 phạm tội và bị Công an tỉnh Bình Phước bắt và đang chấp hành án tại Đăk Nông cho đến nay. Nay ông Lâm N cũng đồng ý ly hôn với bà Thị R.

Về con chung: Có 01 con tên Lâm L, sinh ngày 05/01/2014.

Về tài sản chung: Không có nhưng có đóng góp với gia đình bà Thị R nên sẽ trao đổi với bà Thị R sau.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, ông Lâm N vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ nên đề nghị xét xử vắng mặt ông Lâm N.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thị R.

Cho bà Thị R được ly hôn với ông Lâm N .

Con chung: Giao bà Thị R nuôi con tên Lâm L, sinh ngày 05/01/2014, bà Thị R không yêu cầu ông Lâm N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Đương sự chịu theo luật định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Thị R có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Lâm N nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lâm N cư trú tại xã LT, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Lâm N vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Bà Thị R và ông Lâm N tự nguyện chung sống với nhau năm 2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện Lộc Ninh, vì vậy hôn nhân giữa bà Thị R và ông Lâm N là hợp pháp. Theo bà Thị R, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà Thị R xin ly hôn. Ông Lâm N cũng đồng ý ly hôn nhưng do đang chấp hành án tại tại Đăk Nông nên xin vắng mặt.

Xét thấy, quá trình chung sống, bà Thị R và ông Lâm N phát sinh mâu thuẫn nhưng vẫn không khắc phục được. Bà Thị R xác định không còn tình cảm với ông Lâm N nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà Thị R và ông Lâm N đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cho bà Thị R được ly hôn với ông Lâm N.

[2.2] Con chung: Có 01 con tên Lâm L, sinh ngày 05/01/2014, khi ly hôn bà R nuôi con không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và Gia đình: *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.* Cháu Lâm L sống với bà Thị N từ lúc vợ chồng ly thân đến nay và có nguyện vọng sống với bà Thị R. Do đó, cần giao con cho bà Thị R nuôi, bà Thị R không yêu cầu ông Lâm N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung: Bà Thị R và ông Lâm N xác định không có tài sản chung. Tuy nhiên, ông Lâm N cho rằng có công sức đóng góp với gia định bà Thị R nên sẽ trao đổi với bà Thị R. Do đó cần tách ra giải quyết thành vụ án khác khi ông Lâm N có đơn yêu cầu.

[2.4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà Thị R phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 39 của Bộ luật dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị R được ly hôn với ông Lâm N.

2. Con chung: Bà Thị R nuôi con tên Lâm L, sinh ngày 05/01/2014, bà Thị R không yêu cầu ông Lâm N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà Thị R và ông Lâm N xác định không có tài sản chung. Tuy nhiên, ông Lâm N cho rằng có công sức đóng góp với gia định bà Thị R nên sẽ trao đổi với bà Thị R. Do đó cần tách ra giải quyết thành vụ án khác khi ông Lâm N có đơn yêu cầu.

4. Nợ chung: Không có.

5. Án phí: Bà Thị R chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006852 ngày 24 tháng 02 năm 2025.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận** :
- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKS huyện Lộc Ninh*
- *Các đương sự.*
- *UBND xã LT, huyện Lộc Ninh*
- *THA DS huyện Lộc Ninh*
- *Lưu hồ sơ*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kiều Chinh**